

Tuần: 1 Tiết: 1,2

PHẦN 1. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

BÀI 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam và các tỉnh, thành phố trên bản đồ.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

2. Năng lực

- *Tự chủ và tự học*: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập; biết thu thập thông tin về vị trí địa lí nước ta.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Biết chủ động trong giao tiếp, trao đổi, thảo luận với bạn khi tham gia các hoạt động học tập.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết phát hiện vấn đề, xác định và làm rõ thông tin, có ý tưởng mới, sáng tạo khi tham gia các hoạt động học tập.
- *Nhận thức thế giới quan theo quan điểm không gian*: Biết xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta, biết phân tích ý nghĩa của vị trí địa lí.
- *Sử dụng các công cụ Địa lí học*: Khai thác bản đồ, xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.
- *Khai thác Internet phục vụ môn học*: Khai thác thông tin trên mạng Internet, tìm kiếm, thu thập được các thông tin cần thiết từ các trang web về vị trí địa lí nước ta.
- *Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn*: Biết đánh giá ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nơi địa phương mình sinh sống.

3. Phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Tích cực học tập, tìm kiếm thông tin, hứng thú tìm hiểu về vị trí địa lí nước ta.
- *Trách nhiệm*: Hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- *Yêu nước*: Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

TÍCH HỢP:

- Phát triển năng lực số cốt lõi:

+ 1.1.NC1b Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

+ 2.1.NC1a Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác.

- GD phòng chống thiên tai: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ - Liên hệ.

- GD biển đảo: Bộ phận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ hành chính Việt Nam

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam
- Bản đồ các nước Đông Nam Á

2. Học sinh

- Chuẩn bị máy tính/điện thoại có kết nối internet để tìm kiếm thông tin trên các ứng dụng bản đồ số.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu

- Giúp học sinh nhớ lại kiến thức của THCS.
- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bắt đầu bài học mới.

b) Nội dung: Trò chơi “SIÊU TRÍ TUỆ” đoán tên các tỉnh và thành phố qua các hình ảnh.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và phổ biến luật chơi.

- Có 8 hình ảnh liên quan đến tên 8 tỉnh/thành phố.
- Các nhóm ghi 8 đáp án vào bảng nhóm (ghi điểm số đạt được)
- Mỗi đáp án đúng được 10 điểm.
- Thời gian: 15 giây/1 từ khoá.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các hình ảnh

Hình ảnh	Tỉnh/thành phố
 1. Hồ Gươm	Thủ đô Hà Nội
 2. Phú Quốc	An Giang
 3. Nhà thơ Tố Hữu	TP. Huế

 4. Bà Nà	TP. Đà Nẵng
 5. Cà phê (số 1)	Đắk Lắk
 6. Chợ nổi Cái Răng	TP. Cần Thơ
 7. Cột cờ Lũng Cú	Tuyên Quang
 8. Chợ Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Tiến hành trò chơi

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét thái độ học tập và tham gia trò chơi của HS, dẫn dắt vào bài học mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động tìm hiểu về Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

a) Mục tiêu

- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ.
- 1.1.NC1b Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- 2.1.NC1a Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác.
- GD phòng chống thiên tai: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ - Liên hệ.
- GD biển đảo: Bộ phận.

b) Nội dung:

- ❖ Nhiệm vụ 1: Xác định Vị trí địa lí của Việt Nam
- ❖ Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về đặc điểm Vị trí địa lí của Việt Nam
- ❖ Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về Phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, sản phẩm phiếu học tập của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- ❖ *Nhiệm vụ 1: Xác định Vị trí địa lí của Việt Nam*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS nghiên cứu bản đồ Hành chính Việt Nam kết hợp với bản đồ Các nước Đông Nam Á hoặc bản đồ các nước Châu Á, hãy:

- Xác định vị trí địa lí của lãnh thổ Việt Nam.
- Xác định hệ tọa độ của Việt Nam, các cực Bắc – Nam, Đông – Tây.
- Sử dụng các công cụ tìm kiếm trên internet (ví dụ: Google Maps, Google Earth) để tìm kiếm và xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ thế giới, các điểm cực và hệ tọa độ địa lí. (1.1.NC1b, 2.1.NC1a)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh nghiên cứu bản đồ tự nhiên Việt Nam để thực hiện yêu cầu của GV.
- Học sinh sử dụng máy tính/điện thoại có kết nối internet để tìm kiếm thông tin trên các ứng dụng bản đồ số.
- Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh, giải đáp các thắc mắc của học sinh.

Bước 3; Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1 học sinh bất kì lên bảng xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ các nước châu Á hoặc bản đồ các nước Đông Nam Á, xác định hệ tọa độ địa lí trên bản đồ Việt Nam.
- GV mời một số học sinh trình bày kết quả tìm kiếm và xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ số (ví dụ: chiếu màn hình Google Maps).
- Giáo viên gọi HS khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài.

- ❖ *Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về đặc điểm Vị trí địa lí của Việt Nam*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nghiên cứu nội dung mục I.1 trang 5.

- Ghi nhớ nhanh: các đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí Việt Nam.
- Thời gian nghiên cứu: 2 phút.
- Thời gian trình bày: 1 phút
- Hình thức: cá nhân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS nghiên cứu SGK và thực hiện yêu cầu của HS trong 2 phút.
- GV quan sát và hỗ trợ HS.

Bước 3; Báo cáo, thảo luận: GV lần lượt HS trình bày đặc điểm Vị trí địa lí nước ta, mỗi HS nêu 1 đặc điểm, HS sau không trùng lặp với HS trước (HS gấp SGK lại, các HS khác không được nhắc bài).

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài.

❖ *Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về Phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nghiên cứu hình 1.2 và nội dung SGK mục I.2 trang 7 thực hiện phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

❖ **Yêu cầu:** Sắp xếp các đặc điểm phù hợp với các bộ phận lãnh thổ nước ta: Vùng đất, vùng biển, vùng trời.

Bộ phận lãnh thổ	Đặc điểm
a. Vùng đất	- Tổng diện tích khoảng 1 triệu km ² .
	- Được xác định trong phạm vi đường biên giới của nước ta với các nước láng giềng.
	- Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.
b. Vùng biển	- Trên biển là ranh giới phía ngoài của lãnh hải và không gian các đảo.
	- Gồm 5 bộ phận: Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
	- Phần đất nổi của hàng nghìn hòn đảo trên Biển Đông.
c. Vùng trời	- Tiếp giáp với vùng biển Trung Quốc, Phi – líp – pin, Ma – lai – xi – a, In – đô – nê – xi – a, Cam – pu – chia, Thái Lan.
	- Tổng diện tích 331 nghìn km ² .
	- Là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ.

❖ **Thời gian:** 2 phút.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS nghiên cứu SGK và thực hiện yêu cầu của GV, GV quan sát và hỗ trợ học sinh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS trả lời (HS gấp hết sách lại), HS khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

1. Vị trí địa lí

- Nằm gần trung tâm ĐNÁ, tiếp giáp Trung Quốc, Lào, Campuchia.

- Toạ độ địa lí:

+ Trên đất liền:

- Điểm cực Nam: 8°34' B (Đất Mũi, Cà Mau).
- Điểm cực Bắc: 23°23' B (Lũng Cú, Tuyên Quang)
- Điểm cực Tây: 102°09' Đ (Sìn Thầu, Điện Biên)
- Điểm cực Đông: 109°28' Đ (Đại Lãnh, tỉnh Khánh Hoà).

+ Trên biển: vĩ độ từ $6^{\circ}50'N$, kinh độ từ $101^{\circ}00'E$ – $117^{\circ}20'E$.

⇒ Việt Nam nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

- Tiếp giáp với Biển Đông, thông ra Thái Bình Dương.

- Việt Nam liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.

- Nằm ở vị trí giao thoa của các luồng di cư của nhiều loài sinh vật.

- Nằm ở ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế, trong khu vực phát triển kinh tế năng động của thế giới.

2. Phạm vi lãnh thổ

Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, gồm: Vùng đất, vùng biển và vùng trời.

1. Vùng đất:

- Là toàn bộ phần đất liền được xác định trong phạm vi đường biên giới của nước ta với các nước láng giềng và phần đất nổi của hàng nghìn hòn đảo trên Biển Đông.

- Tổng diện tích hơn 331 nghìn km^2 .

2. Vùng biển:

- Tổng diện tích khoảng 1 triệu km^2 .

- Tiếp giáp với vùng biển Trung Quốc, Phi – líp – pin, Ma – lai – xi – a, In – đô – nê – xi – a, Cam – pu – chia, Thái Lan.

- Gồm 5 bộ phận: Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

3. Vùng trời

- Là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta.

- Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới, trên biển là ranh giới phía ngoài của lãnh hải và không gian các đảo.

2.2. Hoạt động tìm hiểu về ảnh hưởng của Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

a) Mục tiêu

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

- 1.1.NC1b Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- 2.1.NC1a Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác.

b) Nội dung: Hoàn thành sản phẩm theo ý tưởng của nhóm.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

❖ GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm và giao nhiệm vụ: Nghiên cứu nội dung mục II tr 8, Theo sáng tạo của nhóm (Sơ đồ tư duy, tranh vẽ, kịch...) hãy phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

✓ Nhóm 1, 3, 5: Phân tích những ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên Việt Nam. Cho ví dụ.

✓ Nhóm 2, 4, 6: Phân tích những ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của nước ta. Cho ví dụ.

- Các nhóm có thể sử dụng các công cụ số (ví dụ: Google Docs, Jamboard, Canva) để cùng nhau xây dựng sơ đồ tư duy hoặc trình bày ý tưởng. (2.1.NC1a)

❖ Thời gian: 5 phút

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên. Gv quan sát và hỗ trợ giải đáp các vấn đề của học sinh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm bốc thăm báo cáo sản phẩm, GV mời các nhóm có chung nhiệm vụ nhận xét, bổ sung và chấm điểm theo tiêu chí đánh giá sản phẩm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

III. ẢNH HƯỞNG CỦA VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ ĐẾN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ AN NINH QUỐC PHÒNG.

1. Ảnh hưởng đến tự nhiên

Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành các đặc điểm tự nhiên nước ta.

- Vị trí địa lí qui định thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Lãnh thổ hẹp ngang, tiếp giáp biển Đông nên thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.
- Nằm liền kề với các vành đai sinh khoáng lớn nên tài nguyên khoáng sản khá đa dạng và phong phú.
- Do nằm trên đường di lưu, di cư của nhiều loài sinh vật nên thành phần sinh vật rất phong phú.
- Lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang, giáp biển Đông nên tự nhiên phân hoá đa dạng và rõ rệt theo chiều Bắc – Nam và Đông – Tây, từ đó hành thành các miền địa lí tự nhiên khác nhau.
- Nước ta nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai: Bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn...

2. Ảnh hưởng đến kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng.

- Về kinh tế:

+ Nằm gần trung tâm Đông Nam Á, trong khu vực có nền kinh tế phát triển năng động bậc nhất thế giới.

+ Ấn ngữ trên tuyến đường hàng hải và hàng không huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa châu Á và châu Đại Dương...

⇒ Tạo điều kiện để VN hội nhập, giao lưu thuận lợi với các nước trong khu vực và

- Về văn hoá – xã hội: Các nước ĐNÁ có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hoá – xã hội và mối giao lưu lâu đời, tạo điều kiện cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước trong khu vực.

- Vấn đề chính trị và an ninh quốc phòng:

+ Nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng ở khu vực Đông Nam Á. Kinh tế phát triển năng động và nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới.

+ Đặc biệt, Biển Đông là một chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

=> Vì vậy, sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước luôn được đề cao.

❖ **Khắc sâu kiến thức cho học sinh:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- ✓ GV yêu cầu HS xem Clip: <https://www.youtube.com/watch?v=eQmfgKYrS3o>
- ✓ Hình thức: Làm việc cặp đôi
- ✓ Nhiệm vụ:
 - Nhóm 1, 3, 5: Trung Quốc đã có những hành động trái qui định nào đối với chủ quyền lãnh thổ Việt Nam?
 - Nhóm 2, 4, 6: Việt Nam đã có những hành động gì để phản đối những việc làm của Trung Quốc đối với chủ quyền lãnh thổ?

(Hoạt động này giúp học sinh khai thác dữ liệu và thông tin từ môi trường số. 1.1.NC1b)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem clip, làm việc cặp đôi và thực hiện nhiệm vụ của GV. GV quan sát và hỗ trợ học sinh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS bất kì trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

3. Hoạt động 3: Luyện tập**a) Mục tiêu**

- Xác định được các tỉnh vừa có biên giới quốc gia trên đất liền vừa có đường bờ biển.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.
- 1.1.NC1b Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- 2.1.NC1a Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác.

b) Nội dung: Hoàn thành sơ đồ ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên VN.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào bản đồ hành chính Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

- Lập sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên VN? (HS có thể sử dụng các công cụ số như Mindmap online, Google Drawings để lập sơ đồ. 2.1.NC1a)
- Hãy kể tên một số tỉnh của nước ta vừa có biên giới quốc gia trên đất liền vừa có đường bờ biển (HS có thể sử dụng bản đồ số trên internet để tìm kiếm thông tin. 1.1.NC1b)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cặp đôi và thực hiện nhiệm vụ của GV. GV quan sát và hỗ trợ học sinh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS bất kì trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng**a) Mục tiêu**

- Tìm kiếm và mở rộng kiến thức về vấn đề bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.
- 1.1.NC1b Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- 2.1.NC1a Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác.**b) Nội dung:** Trả lời câu hỏi**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh**d) Tổ chức thực hiện:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

- Sử dụng các ứng dụng bản đồ trên Internet để tìm hiểu về vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ thế giới? (1.1.NC1b, 2.1.NC1a)

- Sưu tầm thông tin và hình ảnh để trình bày về quá trình xác lập chủ quyền của nước ta trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ trước đến nay. (1.1.NC1b)

- Tìm hiểu về chế độ pháp lí của các vùng biển nước ta theo Luật biển VN số 18/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. (1.1.NC1b)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS nghiên cứu, làm việc cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS bất kì trình bày đáp án. HS khác nhận xét và bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**V. PHỤ LỤC****1. Tư liệu**

- **Clip:** Trung Quốc đưa dàn khoan HD 981 vào lãnh thổ Việt Nam

<https://www.youtube.com/watch?v=eQmfgKYrS3o>

- **Clip:** 4 điểm cực của Việt Nam

<https://www.youtube.com/watch?v=sq-KckyNGQw>

2. Phiếu đánh giá sản phẩm Sơ đồ tư duy

STT	TIÊU CHÍ	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Ghi chú
1	Nội dung ngắn gọn, chính xác, bám sát kiến thức SGK	2,5		
2	Lấy được ví dụ minh họa cho các nhân tố	2,0		
3	Có các hình vẽ, icon minh họa sống động	1,5		
4	Bố cục cân đối hài hòa, chữ to dễ đọc. Thông tin nhóm, lớp đầy đủ	1,5		
5	Thuyết trình ngắn gọn, lưu loát, thu hút. người nghe.	2,5		
TỔNG		10		

Xác nhận của tổ chuyên môn**Người soạn**